

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27 / 9/ 2019
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Thảo;
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh;

- Thư ký phiên tòa: Ông Văn Nguyệt Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 185/2019/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Cao Thị Yến Th, sinh năm 1990, địa chỉ: tổ 3, khóm Q, phường T, thành phố D, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Trần Thanh T, sinh năm 1991, địa chỉ: tổ 15, khóm T, phường H, thành phố D, tỉnh An Giang.

Bà Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Cao Thị Yến Th trình bày: Bà Th và ông T do mai mối nên tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông T không chăm lo cuộc sống gia đình, thường xuyên

uống rượu và chửi vợ con. Nhận thấy, cuộc sống chung không hòa hợp, tình cảm vợ chồng không còn nên bà Th yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có 01 con chung tên Trần Gia Ph, sinh ngày 12/01/2013 hiện đang sống cùng ông T. Bà Th đồng ý giao con chung cho ông T nuôi dạy và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do ông T vắng mặt.

* Tại phiên tòa,

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định thẩm quyền thụ lý quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý của các đương sự, thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ giải quyết vụ án và lập hồ sơ đúng theo quy định tại các Điều 195, 196, 198 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, thuộc trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Ngày 28/12/2012, bà Th và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

Bà Th cho rằng trong thời gian chung sống, ông T thường xuyên uống rượu, không quan tâm chăm sóc vợ con, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2019 đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, bà Th yêu cầu ly hôn ông T; Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau. Tuy nhiên, các tài liệu có trong hồ sơ như lời trình bày của ông T1, kết quả xác minh xác định bà Th và ông T có mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, cả hai đã sống ly thân từ tháng 4/2019 đến nay, từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc bà Th yêu cầu ly hôn ông T là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung Trần Gia Ph, sinh ngày 12/01/2013 hiện đang sống cùng ông T, bà Th đồng ý giao con chung cho ông T nuôi dạy, bà không cấp dưỡng.

Thông qua lời trình bày của ông T, ông T yêu cầu nuôi dạy con chung, không yêu cầu bà Th cấp dưỡng. Do đó, đề nghị chấp nhận sự thỏa thuận này.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền:* Bà Cao Thị Yến Th khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Thanh T. Ông T có hộ khẩu thường trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Nguyên đơn bà Cao Thị Yến Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Trần Thanh T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Th, ông T theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị Yến Th và ông Trần Thanh T do mai mối và kết hôn vào năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 0268/2014, quyển số 01/2012 ngày 28/12/2012 là hôn nhân hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Theo bà Th trình bày: Nguyên nhân bà Th yêu cầu ly hôn với ông T do ông T không chăm lo cuộc sống gia đình, thường xuyên uống rượu và chửi vợ con nên giữa vợ chồng xảy ra cãi nhau. Đến tháng 02/2019, ông T đi làm Phú Quốc nên vợ chồng không còn sống chung với nhau từ tháng 02/2019 cho đến nay. Nhận thấy, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, cuộc sống chung không hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Th yêu cầu ly hôn với ông T.

Theo biên bản xác minh Ban khóm Châu Long 5 xác định; Ông Trần Thanh T không có sinh sống tại địa phương mà đi làm tại Phú Quốc từ đầu năm 2019 cho đến nay. Về tình trạng hôn nhân giữa Th và T mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không rõ. Con chung giữa Th và T là Trần Gia Ph hiện đang sống cùng với T.

Theo biên bản xác minh về việc ghi nhận ý kiến của ông Trần Văn T1 (cha ruột ông T) cho rằng vợ chồng (Th - T) chung sống có xảy ra mâu thuẫn

dẫn đến cãi nhau. Đến tháng 4/2019, T đi làm thuê tại Phú Quốc và từ đó vợ chồng (Th – T) đã không còn sống chung với nhau. Đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Th thì T đồng ý ly hôn, do đi làm ở xa nên T không về theo giấy triệu tập của Tòa án được.

Xét thấy, vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình nhưng trong cuộc sống chung giữa bà Th và ông T có phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhưng giữa vợ chồng không tự hòa giải mâu thuẫn mà các bên lại sống xa nhau, không quan tâm thăm hỏi đến nhau. Hiện nay, bà Th và ông T đã không còn sống chung với nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải hai lần để tạo điều kiện cho bà Th và ông T hàn gắn tình cảm đoàn tụ gia đình nhưng ông T vẫn không đến. Ông T biết bà Th yêu cầu ly hôn thông qua cha ruột của mình nhưng vẫn đồng ý ly hôn, không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, hôn nhân của bà Th và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Th yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà Th và ông T có 01 con chung tên Trần Gia Ph, sinh ngày 12/01/2013 hiện đang sống cùng ông T. Ông T cũng có ý kiến tiếp tục nuôi dạy con chung, bà Th cũng đồng ý giao con chung cho ông T nuôi dạy và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, cháu Ph hiện đang sống cùng ông T và ông T, bà Th cũng thống nhất giao cháu Ph cho ông T tiếp tục nuôi dạy. Hiện cháu Ph cuộc sống cũng đã ổn định nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của ông T, giao con chung Trần Gia Ph, sinh ngày 12/01/2013 cho ông T tiếp tục nuôi dạy.

Ông Trần Thanh T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Cao Thị Yến Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông T không có ý kiến về việc yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến. Ông T có quyền khởi kiện đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung (nếu có).

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Cao Thị Yến Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Th đã nộp.

Ông Trần Thanh T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ
thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị Yến Th.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị Yến Th được ly hôn với ông Trần Thanh T.

[2] Về con chung:

Ông Trần Thanh T được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Trần Gia Ph, sinh ngày 12/01/2013.

Ông Trần Thanh T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Cao Thị Yến Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Bà Cao Thị Yến Th phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0008002 ngày 15 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; Bà Th đã nộp đủ án phí.

Ông Trần Thanh T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Giấy chứng nhận kết hôn số 0268/2014, quyền số 01/2012 ngày 28/12/2012 của Ủy ban nhân dân phường Châu Phú B, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

[5] Về quyền kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo của Cao Thị Yến Th và ông Trần Thanh T là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- UBND phường Châu Phú B (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Ngọc